Chương trình Lập trình android cơ bản

## Bài 1: Giới thiệu công nghệ smartphone và android, cài đặt môi trường lập trình android

Sau khi học xong, học viên có khả năng:

* Hiểu được một số công nghệ phần cứng và phần mềm trên smartphone.
* Triển khai được môi trường để lập trình android trên eclipse và android studio
* Công nghệ màn hình cảm ứng, chip gia tốc kế, chip con quay hồi chuyển, chip GPS….
* Lịch sử phát triển, ưu điểm và khuyết điểm của android.
* Cài đặt môi trường lập trình android - eclipse
* Cài đặt môi trường lập trình android - android studio
* Cài đặt máy ảo mặc định và máy ảo genymotion

|  |
| --- |
| What Eclipse plug-in is required to develop Android application?  **A.** J2EE  **B.** Android Software Development Kit  **C.** Android Development Tools  **D.** Web Development Tools  **Answer: C** |
| Which of these is the incorrect explanation of the Android SDK and AVD Manager?  **A.** They are provided from version 1.6 of the SDK. Up to Version 1.5, there was an AVD Manager but it lacked SDK management functions.  **B.** You can create and startup AVD, and on startup you can delete user data up to that point.  **C.** The "android" command can be used if "<SDK install folder>/tools" is added to the command path.  **D.** The development tools that can be downloaded from Android SDK and AVD Manager are SDK Android platform, NDK-platform, emulator images, and USB drivers for handsets.  **Answer: D** |
| The DalvikVM core libraries are a subset of which of the following?  **A.** Java ME  **B.** Java SE  **C.** Java EE  **D.** JAX-WS  **Answer: B** |

## Bài 2: Biến và kiểu dữ liệu. Cấu trúc project android. Các View cơ bản

Sau khi học xong, học viên có khả năng:

* Java: Hiểu được biến, kiểu dữ liệu, phép toán
* Android: Hiểu được cấu trúc cơ bản của một project android
* Biến, kiểu dữ liệu, phép toán, ép kiểu….
* Các bước phát triển một ứng dụng android
* Cấu trúc project trên eclipse
* Cấu trúc project trên android studio
* Thiết kế giao diện bằng tool kéo thả và bằng mã xml
* Các view cơ bản EditText, Button, TextView
* Ánh xạ từ giao diện sang mã java và bắt sự kiện chạm.

Phát triển phần mềm máy tính điện tử bỏ túi

|  |
| --- |
| What does the src folder contain?  **A.** Image and icon files.  **B.** XML resource files.  **C.** The application manifest file.  **D.** Java source code files.  **Answer: D** |
| What does the Android project folder “res/” contain?  **A.** Java Activity classes  **B.** Resource files  **C.** Java source code  **D.** Libraries  **Answer: B** |
| What is a correct statement about an XML layout file?  **A.** A layout PNG image file.  **B.** A file used to draw the content of an Activity.  **C.** A file that contains all application permission information.  **D.** A file that contains a single activity widget.  **Answer: B** |
| What is the name of the folder that contains the R.java file?  **A.** src  **B.** res  **C.** bin  **D.** gen  **Answer: D** |
| Which of the following is a Java call-back method invoked when a view is clicked?  **A.** Detector  **B.** OnTapListener  **C.** OnClickDetector  **D.** OnClickListener  **Answer: D** |
| Which of these files contains text values that you can use in your application?  **A.** AndroidManifest.xml  **B.** res/Text.xml  **C.** res/layout/Main.xml  **D.** res/values/strings.xml  **Answer: D** |
| What Activity method you use to retrieve a reference to an Android view by using the id attribute of a resource XML?  **A.** findViewByReference(int id)  **B.** findViewById(int id)  **C.** retrieveResourceById(int id)  **D.** findViewById(String id)  **Answer: B** |

## Bài 3: Cấu trúc điều khiển. Khai thác tài nguyên chuỗi

Sau khi học xong, học viên có khả năng:

* Java: Hiểu cấu trúc điều khiển
* Android: Triển khai được các phần mềm đa ngôn ngữ.
* Cấu trúc if else, if lồng nhau, switch case…
* Khai thác tài nguyên chuỗi để giảm thời gian phát triển và cập nhật chuỗi.

Phát triển phần mềm đa ngôn ngữ tuỳ theo cấu hình của máy.

|  |
| --- |
| Which of the following is incorrect about the LogCat tool?  **A.** A LogCat view is available as part of the ADT plugin of Eclipse.  **B.** You can create a log in your application using Log.v(String, String).  **C.** Each log message has a tag.  **D.** Only one of your application can create log entries, and it should be component class (Activity, Service,...etc).  **Answer: D** |

## Bài 4: Cấu trúc lặp. Khai thác tài nguyên hình ảnh

Sau khi học xong, học viên có khả năng:

* Java: Hiểu cấu trúc vòng lặp.
* Android: Khai thác tài nguyên hình ảnh
* Cấu trúc vòng lặp for, while, do…while
* Thư mục drawable, truy xuất hình ảnh trong layout và trong code. Hình ảnh đa ngôn ngữ.

## Bài 5,6: Các lớp thông dụng

Sau khi học xong học viên có khả năng:

* Java: Khai thác các lớp thông dụng trong java như String, Math, Date, Regular expression…
* Android: Tạo dialog xử lý ngày và giờ
* Lớp String, phân tích xử lý chuỗi
* Lớp Math thực hiện các thao tác toán học phức tạp, tạo số ngẫu nhiên
* Lớp regular expression kiểm tra nâng cao dữ liệu đầu vào
* Lớp date xử lý dữ liệu ngày giờ
* TimePickerDialog , DatePickerDialog các dialog nhập ngày giờ của android.

Phát triển phần mềm chơi bài cào

Phát triển phần mềm hẹn ngày, giờ

## Bài 7, 8: Hướng đối tượng

Sau khi học xong học viên có khả năng:

* Java: Hiểu và vận dụng tốt lập trình hướng đối tượng
* Android: Cách tổ chức lập trình hướng đối tượng trong android
* Lớp, đối tượng, thuộc tính, phương thức, hàm tạo, nạp chồng
* Kế thừa, ghi đè, trừu tượng, giao diện, đa hình.

## Bài 9: Array và Collection

Sau khi học xong học viên có khả năng:

* Java: Hiểu được array và collection
* Chọn lựa và vận dụng array và collection một cách phù hợp cho bài toán
* Array
* Collection ArrayList
* Collection HashMap
* Collection HashSet
* Kết hợp, lồng nhau giữa các collection

## Bài 10: Dialog và Toast

Sau khi học xong học viên có khả năng:

* Hiểu được các kiểu dialog và cách tạo ra chúng
* Hiểu được Toast và cách tạo
* Thực hiện việc tuỳ chỉnh được giao diện và bổ sung chức năng cho dialog và Toast.
* AlertDialog – Hộp thoại cảnh báo
* Multi-choice Dialog – Hộp thoại chọn lựa nhiều mục
* Single-choice Dialog – Hội thoại chọn lựa một mục
* Progressbar Dialog – Hộp thoại tiến trình
* Bắt sự kiện phản hồi từ dialog
* Tạo toast
* Tự thiết kế lại giao diện và chức năng cho dialog
* Tự thiết kế lại giao diện cho Toast

Phát triển phần mềm có Dialog và Toast được thiết kế lại theo ý thích

|  |
| --- |
| What does the following line of code do?  Toast toast = Toast.makeText(this,"Android ATC", Toast.LENGTH\_LONG); toast.setGravity(Gravity.TOP|Gravity.RIGH, 0, 0);  **A.** The toast will have it UI components place on the top-right corner.  **B.** The toast will appear on the top-right corner.  **C.** The toast will show the text message on top-right corner of the toast box.  **D.** The toast will appear at the center of the screen at position (0,0), but aligned to the top- right corner.  **Answer: B** |
| Which of the following is incorrect about ProgressDialog?  **A.** ProgressDialog inherits from the AlertDialog class.  **B.** ProgressDialog can be set as 2 types of style: STYLE\_HORIZONTAL and STYLE\_SPINNER.  **C.** ProgressDialog is able to apply a custom XML-defined layout by using the setContentView(...) method.  **D.** ProgressDialog can be freely configured to use a Drawable class to display as its progress bar.  **Answer: C** |
| Which of following is incorrect about the Toast class?  **A.** You cannot set a custom layout for a Toast.  **B.** A Toast can only created by an Activity class  **C.** There is no need to close or hide a Toast, since it closes automatically.  **D.** A Toast is displayed for only one of the following periods: Toast.LENGHT\_SHORT or Toast.LENGTH\_LONG.  **Answer: B** |
| Which of the following is true about the Dialog class? (Choose two)  **A.** You can add a custom layout to a dialog using setContentView().  **B.** A dialog has a life-cycle independent of the Activity.  **C.** A dialog is displayed on the screen using method show().  **D.** It does not have a method to access the activity that owns it.  **Answer: A,C** |
| Which of the following is NOT true about method getWindow() of class Dialog do?  **A.** It retrieves the current window for the activity.  **B.** It can be used to access parts of the Windows API.  **C.** It displays the dialog on the screen.  **D.** It returns null if the activity is not visual.  **Answer: C** |

## Bài 11, 12: Input/Output và DataStorage

Sau khi học xong học viên có khả năng:

* Hiểu được các luồng nhập xuất dữ liệu trong android
* Vận dụng được các loại luồn nhập xuất dữ liệu khác nhau
* Phân biệt được các dạng lưu trữ dữ liệu trong android
* Biết được ưu khuyết điểm để chọn lựa phương pháp lưu trữ dữ liệu tùy theo tình huống
* Các loại InputStream, OutputStream
* Đọc dữ liệu trong Assets
* Đọc ghi dữ liệu trong SharedPreferences
* Đọc ghi dữ liệu trong Internal Storage
* Đọc ghi dữ liệu trong Non removable External Storage
* Đọc ghi dữ liệu trong Removable External Storage
* Cấp quyền đọc ghi trong internal external storage
* Cách đọc ghi dữ liệu từ từ từng phần cho kiểu dữ liệu lớn (đọc ghi trên máy, download, upload)

Phát triển phần mềm đọc sách, dữ liệu lưu trữ trong file txt

|  |
| --- |
| Consider the following AndroidManifest.xml file:  <?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>  <manifest xmlns:android="http://schemas.android.com/apk/res/android"  package="com.mkyong.android"  android:versionCode="1"  android:versionName="1.0" >  <uses-sdk android:minSdkVersion="10" />  <uses-permission android:name="android.permission.WebActivity " />  <application android:icon="@drawable/ic\_launcher" android:label="@string/app\_name" >  <activity android:name=".WebViewActivity" android:theme="@android:style/Theme.NoTitleBar" > <intent-filter > <action android:name="android.intent.action.MAIN" /> <category android:name="android.intent.category.LAUNCHER" />  </intent-filter>  </activity>  </application>  </manifest>  Supposing the application connects to the internet at startup, which of the following is true?  **A.** The application throws an exception indicating it does not have permission to access the URL.  **B.** The application will work as intended. **C.** The application won’t compile.  **D.** The application throws a java.lang.SecurityException.  **Answer: C** |
| Which configuration file holds the permission to use the internet?  **A.** Layout file  **B.** Property file  **C.** Java source file  **D.** Manifest file  **Answer: D** |
| Which of the following is correct about file access in the Android system?  **A.** Generally, files are handled as dedicated resources per each application.  **B.** Files created by an application can be directly accessed by any application.  **C.** The content of file created by application cannot be accessed by any other application.  **D.** You can only access a file from within an Activity.  **Answer: A** |
| Which of the following statements about DDMS is incorrect?  **A.** You can display a list of currently running threads and select one to check its stack trace.  **B.** You can use it to acquire screenshots of a terminal.  **C.** You can forcibly execute garbage collection and check the present heap usage status. **D.** You can do simulations of network zone speed and bandwidth limitations.  **Answer: D** |
| Consider the following AndroidManifest.xml file.  <?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>  <manifest xmlns:android=<http://schemas.android.com/apk/res/android>  package="com.androidatc "  android:versionCode="1”  android:versionName="1.0" >  <uses-sdk android:minSdkVersion="12" android:targetSdkVersion="17" />  <application android:name="MyApp"  android:allowBackup="true"  android:icon="@drawable/ic\_launcher"  android:label="@string/app\_name"  android:theme="@style/AppTheme" >  <activity android:name="com.androidatc.MainActivity"  android:label="@string/app\_name"  android:screenOrientation="portrait" >  <intent-filter>  <action android:name="android.intent.action.MAIN" />  <category android:name="android.intent.category.LAUNCHER" />  </intent-filter>  </activity>  <uses-permission android:name="android.permission.INTERNET" />  </application>  </manifest>  Which of the following is correct?  **A.** The application will run as intended.  **B.** The application will not compile.  **C.** The application will crash on fetching data from the internet.  **D.** The app will run in Landscape orientation.  **Answer: B**  Giải thích: permission nằm trong thẻ application |
| Which of the following information is not included in the Manifest file?  **A.** The activities contained in the application.  **B.** The permissions required by the application.  **C.** The application’s minimum SDK version required.  **D.** The handset model compatible with your application.  **Answer: D** |
| When including a text file in your application to read from as a resource, what is the recommended location of such file?  **A.** res/anim  **B.** res/files  **C.** res/raw  **D.** res/values  **Answer: C** |
| Which of the following tools dumps system log messages including stack traces when the device or emulator throws an error?  **A.** DDMS  **B.** Logcat  **C.** Console  **D.** ADB  **Answer: B** |
| What is not true about the AndroidManifest.xml file?  **A.** It declares the views used within the application.  **B.** It declares user permissions the application requires.  **C.** It declares application components.  **D.** It declares hardware and software features used within the application.  **Answer: A**  Ý kiến cá nhân: câu A, nhưng câu D cũng có vấn đề |
| When creating a file using android.content.Context.openFileOutput("test.txt", 0), where is the file created?  **A.** /data/app/<package name>/files  **B.** /data/data/<package name>/files  **C.** /system/app/<package name>/files  **D.** Application /system/data/<package name>/files  **Answer: B** |
| Which of the following is a correct Android Manifest statement?  **A.** <uses-permission android:name =”android.Internet”/>  **B.** <uses-permission android:name =”android.Internet”></uses-permission>  **C.** <uses-permission android:name =”android.permission.Internet”>  **D.** <uses-permission android:name =”android.permission.Internet”/>  **Answer: D** |
| Which of the following is the correct way to add access permission to your application?  **A.** Add a <uses-permission> tag as a child tag of the <manifest> tag in AndroidManifest.xml.  **B.** Add a <add-permission> tag as a child tag of the <manifest> tag in AndroidManifest.xml.  **C.** Add a <uses-permission> tag as a child tag of the <application> tag in AndroidManifest.xml.  **D.** add a <permission> tag as a child tag of the <application> tag in AndroidManifest.xml.  **Answer: A** |

## Bài 13: Tìm hiểu sâu về các View

Sau khi học xong học viên có khả năng:

* Hiểu sâu hơn về các view
* Tự thiết kế lại các view theo ý thích
* Các thuộc tính, sự kiện chung và riêng của TextView, EditText, Button, Checkbox, Radio, Toogle, Switch, Spinner….
* Sử dụng selector để thiết kế lại các view
* Sử dụng style để thiết kế lại các view

Phát triển phần mềm điều khiển wifi với các view được thiết kế lại.

Phát triển phần mềm đèn pin với các view được thiết kế lại.

|  |
| --- |
| Which of the following is true about attribute android:windowSoftInputMode of the <activity> tag in file AndroidManifest.xml?  **A.** It specifies whether the window is in full screen or not.  **B.** It adjusts how the main window of the activity interacts with keyboard.  **C.** It adjusts how the window should be launched.  **D.** It adjusts the window orientation.  **Answer: B** |
| Which of the following is the base class of all UI components?  **A.** ListView  **B.** Layout  **C.** View  **D.** ViewGroup  **Answer: C** |
| What is the parent class of all Activity widgets?  **A.** ViewGroup  **B.** Layout  **C.** View  **D.** Widget  **Answer: C** |
| Which UI does the following code builds?  <?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>  <LinearLayout xmlns:android=http://schemas.android.com/apk/res/android  android:layout\_width="match\_parent"  android:layout\_height="match\_parent"  android:orientation="vertical" >  <LinearLayout android:layout\_width="match\_parent"  android:layout\_height="wrap\_content" android:orientation="horizontal" >  <TextView android:id="@+id/textView1"  android:layout\_width="wrap\_content"  android:layout\_height="wrap\_content"  android:text="Name:" />  <EditText android:id="@+id/editText1"  android:layout\_width="match\_parent"  android:layout\_height="wrap\_content"  android:layout\_weight="1"  android:ems="10" />  </LinearLayout>  <Button android:id="@+id/button1"  android:layout\_width="wrap\_content"  android:layout\_height="wrap\_content"  android:text="Post" />  </LinearLayout>  **A.** An edit text to the left of a text view and a button beneath it  **B.** An edit text to the right of a text view and a button to the right of the text view  **C.** An edit text to the right of a text view and a button beneath them  **D.** A text view, an edit text beneath it and the button beneath the edit text  **Answer: C** |
|  |

## Bài 13,14,15: View dạng danh sách

Sau khi học xong học viên có khả năng:

* Hiểu và vận dụng được các view dạng list
* Hiểu và vận dụng được các loại adapter tuỳ theo yêu cầu
* Biết được các kết hợp giữa các view dạng list và adapter để đưa dữ liệu lên adapter, từ adapter đổ dữ liệu lên các view dạng list.
* Spinner
* Gallery
* GridView
* ListView
* ExpandableListView
* Dữ liệu cố định trong xml
* Dữ liệu động trong array hoặc arraylist
* SimpleAdapter
* ArrayAdapter
* ExpandableListAdapter
* SwipeRefreshLayout
* Kế thừa từ các adapter có sẵn, thiết kế lại layout để xây dựng các view list phức tạp theo ý thích.

Phát triển các phần mềm có view dạng list được thiết kế đẹp tuỳ theo sở thích

|  |
| --- |
| Which of the following is true about object arrayAdapter declared in the code below?  String[] items = {“Item 1”,”Item 2”,”Item 3”};  ArrayAdapter<String> arrayAdapter = new ArrayAdapter<String>(this, android.R.layout.simple\_list\_item\_1, items);  listView.setAdapter(arrayAdapter);  **A.** It creates a TextView for each String in array items  **B.** It creates Buttons for each String in array items  **C.** It creates four views for listView  **D.** It replaces the layout of the activity with three consecutive TextView items  **Answer: A** |
| Which of the following methods updates a ListView when an element is added to the data set?  **A.** notify()  **B.** notifyAll()  **C.** notifyDataSetChanged()  **D.** notifyDataSetInvalidate()  **Answer: C** |
| To create a customized Adapter for a compound list item layout , you should:  **A.** Extend class android.widget.Adapter or any of its descendants then override method getView()  **B.** Extend class android.widget.ListView or any of its descendants, then override method getView()  **C.** Extend class android.widget.AbsAdapter or any of its descendants, then override method getView()  **D.** Extend class android.widget.Adapter or any of its descendants, then override method getAdapterView()  **Answer: A** |
| Which of the following is NOT a correct constructer for ArrayAdapter?  **A.** ArrayAdapter(Context context)  **B.** ArrayAdapter (Context context, int recourse)  **C.** ArayAdpater (Context context , int resource, int textViewResourceId)  **D.** ArrayAdapter (Context context , int resource, List<T> items)  **Answer: C**  Ý kiến cá nhân là A mới đúng |
| Which of the following makes a ListView Clickable?  **A.** setClickable(true)  **B.** setVisibility(View.Visible)  **C.** setEnabled(true)  **D.** setItemsEnabled(true)  **Answer: C** |
| Which is the correct explanation of ListView?  **A.** It is necessary to use ListView as a set with ListActivity.  **B.** You cannot use a ListView when there is no information to be displayed.  **C.** When displaying a list of Strings using an ArrayAdapter class in ListView, you must save the value in an ArrayList.  **D.** ListView has a function to display a list of uniquely defined Views other than TextView.  **Answer: D** |
| Which of the following add a click listener to items in a listView?  **A.** onClickListener  **B.** onItemClickListener  **C.** onItemClicked  **D.** onListItemClickListener  **Answer: B** |
| Which Which of the following does NOT correctly describe interface android.widget.Adapter?  **A.** It is an object that acts as a bridge between a View and underlying data for that view.  **B.** It provides access to the data items.  **C.** It provides access to deprecated ListView methods.  **D.** It is responsible for making a View for each item in the data set.  **Answer: C** |

## Bài 16, 17: Activity

Học xong bài này học viên có khả năng:

* Hiểu được vòng đời của Activity.
* Hiểu được các trạng thái của Activity khi sử dụng chương trình
* Chọn lựa cách xử lý cho phù hợp với từng trạng thái của chương trình
* Biết cách tạo ra một Activity mới
* Phân biệt và vận dụng được các loại intent
* Gởi nhận dữ liệu giữa các activity
* Vòng đời của Activity. Các trạng thái Starting, Running, Paused, Stopped, Destroyed
* Các hàm trong vòng đời onCreate, onStart, onResume, onPause, onStart, onRestart, onStop, OnDestroy.
* Intent không tường minh
* Intent tường minh
* Tạo mới một Activity theo cách thủ công, tạo một activity theo cách tự động.
* Gởi dữ liệu giữa các activity
* Nhận dữ liệu trả về từ một activity.

Phát triển các phần mềm có nhiều giao diện làm việc, gởi nhận dữ liệu giữa các giao diện

Phát triển các phần mềm lấy hình từ camera hoặc trong máy, duyệt web, gọi điện, nhắn tin, gởi mail, hiện bản đồ, vẽ đường đi….

|  |
| --- |
| Which of the following methods is called in an Activity when another activity gets into the foreground?  **A.** onStop()  **B.** onPause()  **C.** onDestroy()  **D.** onExit()  **Answer: B** |
| Which of the following Activity life-cycle methods is called once the activity is no longer visible?  **A.** onStop  **B.** onPause  **C.** onDestroy  **D.** onHide  **Answer: A** |
| In which Activity life-cycle method you should do all of your normal static set up such as: creating views and bind data to lists?  **A.** onResume()  **B.** onStart()  **C.** onCreate()  **D.** onPause()  **Answer: C** |
| Which method is used to close an activity?  **A.** Destroy()  **B.** Finish()  **C.** Stop()  **D.** Close()  **Answer: B** |
| Which of the following is a valid sequence of invokes to Activity lifecycle methods? (Choose two)  **A.** onCreate > onStart > onResume > onPause> onStop> onCreate  **B.** onCreate > onStart > onResume > onPause> onStop>onRestart  **C.** onCreate > onStart > onResume > onPause> onStop>onDestroy  **D.** onCreate > onStart > onResume > onPause> onStop>onResume  **Answer: B,C** |
| Which of the following is not an Activity lifecycle call-back method?  **A.** onStart  **B.** onCreate  **C.** onPause  **D.** onBackPressed  **Answer: D** |
| During an Activity life-cycle, what is the first callback method invoked by the system?  **A.** onStop()  **B.** onStart()  **C.** onCreate()  **D.** onRestore()  **Answer: C** |
| Which of the following Activity life-cycle methods is invoked when a dialog is shown?  **A.** onPause()  **B.** onCreate()  **C.** onStop()  **D.** onDestroy()  **Answer: A** |
| Which of the following is true about implicit intents? (Choose two)  **A.** They do not have a component specified.  **B.** They have components specified to run an exact class.  **C.** They must include information that allows Android system to choose the best component to run.  **D.** They must contain extra information saved in a Bundle object.  **Answer: A,C** |
| If your application is throwing exception android.content.ActivityNotFoundException, how to fix it?  **A.** Create a new activity Java sub-class  **B.** Rename your activity  **C.** ISO Create the activity layout  **D.** Add the activity to the AndroidManifest  **Answer: D** |
| Consider the following code:  Intent intent = new Intent(); intent.setAction(Intent.ACTION\_VIEW); intent.setData(android.net.Uri.parse("http://www.androidatc.com")); startActivity(intent);  Which of the following is correct about the code above?  **A.** It sends a result to a new Activity in a Bundle.  **B.** It will not compile without adding the INTERNET permission the Manifest file.  **C.** It starts any activity in the application that has a WebView in its layout.  **D.** When it is executed, the system starts an intent resolution process to start the right Activity.  **Answer: D** |
| What does this code do?  Intent intent = new Intent();  intent.setAction(Intent.ACTION\_VIEW); intent.setData(android.net.Uri.parse("http://www.androidatc.com")); startActivity(intent);  **A.** Starts a sub-activity.  **B.** Starts a service.  **C.** Sends results to another activity.  **D.** Starts an activity using an implicit intent.  **Answer: D** |
| Which of the following are primary pieces of information that are required to define in an implicit Intent?  **A.** An action to be performed and data to operate on.  **B.** An action to be performed and a category for additional information.  **C.** A Bundle for extra data.  **D.** A category of additional information and data to operate on.  **Answer: A** |
| To add a new Activity to your application, you need to perform the following steps:  **A.** Create a Java class that extends View, set a layout, and add an Activity tag in AndroidManifest.xml.  **B.** Create layout resource only.  **C.** Create a Java class that extends Activity, add an Activity tag in AndroidManifest.xml, and create a layout for the activity.  **D.** Add an Activity tag to AndroidManifest.xml, and add ACTIVITY permission.  **Answer: C** |
| When is the intent resolution process triggered?  **A.** When the system receives an implicit intent to start an activity.  **B.** When an explicit intent starts a service.  **C.** When the system receives an explicit intent to start an activity.  **D.** When the application calls method startAcitivyIntentResolution.  **Answer: A** |
| The values of which of the following classes cannot be mapped in a Bundle object?  **A.** Parcelable  **B.** String  **C.** ArrayList  **D.** Context  **Answer: D** |
| Which of the following lines of code is used to pass a value to the next activity?  **A.** Intent i = new Intent(this,newActivity);  i.addExtra(“test”);startActivity(i);  **B.** Intent i = new Intent(this,newActivity);  i.putValue(“test”);startActivity(i);  **C.** Intent i = new Intent(this,newActivity);  i.putValue(“value1”,“test”);startActivity(i);  **D.** Intent i = new Intent(this,newActivity);  i.putExtra(“value1”,“test”);startActivity(i);  **Answer: D** |
| What is the name of the class used by Intent to store additional information?  **A.** Extra  **B.** Parcelable  **C.** Bundle  **D.** DataStore  **Answer: C** |
| Which Which of the following is true about method startActivity?  **A.** It starts a new activity and destroys the previous one.  **B.** It starts a new activity and sends the previous one to the background.  **C.** It starts a new activity and pauses the previous one.  **D.** It starts a new activity in a paused mode.  **Answer: B** |
| Which method should you use to start a sub-activity?  **A.** startActivity(Intent intent)  **B.** startActivityForResult(Intent intent)  **C.** startService(Intent intent)  **D.** startSubActivity(Intent intent)  **Answer: B**  Ý cá nhân là câu A mới đúng |
| Which Consider the following code:  Intent i = new Intent(this, MainActivity.class);  i.addFlags(Intent.FLAG\_ACTIVITY\_CLEAR\_TOP); startActivity(i);  What best explains the code above?  **A.** The activity being launched is already running in the current task, then instead of launching a new instance of that activity, all of the other activities on top of it will be closed and this Intent will be delivered to the (now on top) old activity as a new Intent.  **B.** Any existing task that would be associated with the activity to be cleared before the activity is started.  **C.** A new Activity will be launched and it will be on the top of the stack.  **D.** A new activity will be launched but will be in full-screen mode.  **Answer: A** |
| Which of the following attributes is used to set an activity screen to landscape orientation?  **A.** screenorientation = landscape  **B.** screenOrientation=”landscape”  **C.** android:ScreenOrientation=“landscape”  **D.** android:screenOrientation=”landscape”  **Answer: D** |
| When using an implicit intent, what process does the system use to know what to do with it?  **A.** Intent resolution  **B.** Intent declaration  **C.** Intent overloading  **D.** Intent transition  **Answer: A** |
| *<?*xml version="1.0" encoding="utf-8"*?>*<manifest xmlns:android="http://schemas.android.com/apk/res/android"  package="mycube.test"  android:versionCode="1"  android:versionName="1.0">  <uses-sdk  android:minSdkVersion="8"  android:targetSdkVersion="17" />  <application  android:icon="@mipmap/ic\_launcher"  android:label="@string/app\_name"  android:theme="@android:style/Theme.Light.NoTitleBar">  <activity  android:name=".Menu"  android:label="@string/app\_name"  android:screenOrientation="portrait">  <intent-filter>  <action android:name="android.intent.action.MAIN" />  <category android:name="android.intent.category.LAUNCHER" />  </intent-filter>  </activity>  </application>  <uses-permission android:name="android.permission.INTERNET"></uses-permission>  <activity  android:name=".Compute"  android:screenOrientation="portrait" />  </manifest>  What is the syntax error of this file?  **A.** The INTERNET permission must be removed.  **B.** Tag uses-sdk must have attribute android:maxSdkVersion set.  **C.** the package name must be “com.mycube.test”.  **D.** The <activity> tag for Activity “.Compute” should be contained inside <application> tag.  **Answer: C**  Ý kiến cá nhân câu D đúng |
| Which of the following is not true about <activity> tag in AndroidManifest file?  **A.** Declares an activity that implements part of the application's visual user interface.  **B.** Contained in <application> tag.  **C.** Declares a single hardware or software feature that is used by the application.  **D.** Has an attribute that specifies the name of the Activity sub-class that implements the activity  **Answer: C** |
| Which of the following lines of code starts activity Activity2 from a current activity Activity1?  **A.** Intent intent = new Intent(this,new Activity2());startActivity(intent);  **B.** Intent intent = new Intent(new Activity2());startActivity(intent);  **C.** Intent intent = new Intent (Activity1.class,Activity2.class);startActivity(intent);  **D.** Intent intent = new Intent(this,Activity2.class);startActivity(intent);  **Answer: D** |
| Which of the following is not a valid Android resource file name?  **A.** mylayout.xml  **B.** myLayout.xml  **C.** my\_layout.xml  **D.** mylayout1.xml  **Answer: B** |
| What does the following line of code achieve? Intent intent = new Intent(FirstActivity.this, SecondActivity.class );  **A.** Creates a hidden Intent.  **B.** Creates an implicit Intent.  **C.** Create an explicit Intent.  **D.** Starts an activity.  **Answer: D**  Ý kiến cá nhân (có kiểm chứng thêm google) câu C đúng |
| What does the following code achieve?  Intent intent = new Intent(FirstActivity.this, SecondActivity.class); startActivityForResult(intent);  **A.** Starts a browser activity  **B.** Starts a sub-activity  **C.** Starts an activity service  **D.** Sends results to another activity  **Answer: B**  Câu này đúng đã kiểm chứng trong example của atc |
| Which of the following classes is used by Intent to transfer data between different android components?  **A.** Extras  **B.** Bundle  **C.** Parcelable  **D.** PendingIntent  **Answer: B** |
| Which of the following is true about this code snippet? (Choose two)  Intent intent = new Intent(Intent.ACTION\_DIAL,Uri.parse(“tel:555-1234”)); startActivity(intent);  **A.** This is an explicit intent that start the system’s dialer.  **B.** The system will not dial the number without adding permission CALL\_PHONE.  **C.** The system will perform an intent resolution to start the proper activity.  **D.** The code will not compile.  **Answer: A,C** |

## Bài 18: Menu

Học xong bài này học viên có khả năng:

* Phân biệt được các loại menu
* Hiểu và tạo được menu cho toàn chương trình
* Hiểu và tạo được menu ngữ cảnh áp dụng vào các view dạng list
* Hiểu và tạo được menu dạng popup
* Dùng ActionBar kiểu mới (ToolBar)
* ContextMenu
* OptionMenu
* PopupMenu
* ToolBar thay cho ActionBar

Phát triển các chương trình có các loại menu phù hợp

|  |
| --- |
| Which of the following best explains the Android context menus?  **A.** It is a popup menu displays a list of items in a vertical list that's anchored to the view that invoked the menu.  **B.** It is a floating menu that appears when the user performs a long-click on an element. It provides actions that affect the selected content or context frame.  **C.** It is the primary collection of menu items for an activity. It's where you should place actions that have a global impact on the app, such as "Search," "Compose email," and "Settings".  **D.** It is a sub-menu of an options menu item.  **Answer: B** |
| Which of the following best explains the Android option menus?  **A.** It is a popup menu that displays a list of items in a vertical list anchored to the view that invoked the menu.  **B.** It is a floating menu that appears when the user performs a long-click on an element. It provides actions that affect the selected content or context frame.  **C.** It is the primary collection of menu items for an activity where you should place actions that have a global impact on the app, such as "Search," "Compose email," and "Settings."  **D.** It is a type of List Activity with predefined headers and footers for special commands.  **Answer: B**  Sai dap an phai la C. dinh nghia tren la cua contextmenu  <https://developer.android.com/guide/topics/ui/menus.html> |
| What two methods you have to override when implementing Android context menus?  **A.** onCreateOptionsMenu, onCreateContextMenu  **B.** onCreateContextMenu, onContextItemSelected  **C.** onCreateOptionsMenu, onOptionsItemSelected  **D.** onCreateOptionsMenu, onContextItemSelected  **Answer: B** |
| Consider the following code : @Override public void onCreateContextMenu(ContextMenu menu, View v, ContextMenuInfo menuInfo) {  super.onCreateContextMenu(menu, v, menuInfo);  menu.setHeaderTitle("Menu");  AdapterContextMenuInfo cmi = (AdapterContextMenuInfo) menuInfo;  menu.add(1, cmi.position, 0, "Open file");  menu.add(2, cmi.position, 0, "Save file");  }  Which of the following best explains the code above?  **A.** The code inflates an xml file into menu items.  **B.** The code creates menu items for context menu programmatically.  **C.** The code assign actions to menu items.  **D.** The code Opens a menu resource file, modifies it, and saves the changes.  **Answer: B** |
| Consider the following the code :  public boolean onCreateOptionsMenu(Menu menu) {  MenuInflater inflater = getMenuInflater();  inflater.inflate(R.menu.game\_menu, menu);  return true;  }  Which of the following is true about the code above?  **A.** The code is auto generated and should not be edited.  **B.** This method handles clicks and assign actions to menu items.  **C.** This function inflates an XML file in the res/menu folder into menu items.  **D.** This method inflates an XML file in the res/layout folder into layout.  **Answer: C** |
| What two methods you have to override when implementing Android option menus?  **A.** onCreateOptionsMenu, onCreateContextMenu  **B.** onCreateContextMenu, onContextItemSelected  **C.** onCreateOptionsMenu, onOptionsItemSelected  **D.** onCreateOptionsMenu, onContextItemSelected  **Answer: C** |
| Which of the following Activity methods is invoked when the user clicks on an options menu item?  **A.** onItemClicked  **B.** onItemSelected  **C.** onOptionsItemClicked  **D.** onOptionsItemSelected  **Answer: D** |
| Which of the following applies a context menu on a ListView? (Choose two)  **A.** ListView lv = getListView();lv.registerForContextMenu()  **B.** ListView lv= getListView();registerForContextMenu(lv);  **C.** ListView lv = (ListView) findViewById(R.id.list\_view\_id);registerForContextMenu(lv)  **D.** getListView().setConextMenuEnabled(true)  **Answer: B,C** |
| Which of the following is a call-back method that inflates an options menu from file res/menu/menu.xml?  **A.** onOptionsItemSelected  **B.** onCreate  **C.** Primitive onCreateMenu  **D.** onCreateOptionsMenu  **Answer: D** |
| What method you should override to use Android menu system?  **A.** onCreateOptionsMenu()  **B.** onCreateMenu()  **C.** onMenuCreated()  **D.** onMenuCreated()  **Answer: A** |
| Consider the following :  <?xml version="1.0" encoding="utf-8"?> <menu xmlns:android="http://schemas.android.com/apk/res/android"> <item android:id="@+id/create\_new" android:title="@string/create\_new" /> <item android:id="@+id/open" android:title="@string/open" /> </menu>  public boolean onOptionsItemSelected(MenuItem item) { switch (item.getItemId()) { case R.id.create\_new: newFile();  return true default: return super.onOptionsItemSelected(item); }  }  Upon clicking on one of the menu items, the application did not behave as intended. Which of the following might be the cause of this problem?  **A.** The developer did not set onClickListener on the menu item.  **B.** The developer did not include a case that corresponds to the menu item in method onOptionsItemSelected.  **C.** The developer should create onOptionsItemSelected method for each menu item.  **D.** The developer should add the item to the menu resource file.  **Answer: B** |
| Which of the following is NOT true about the MenuItem interface?  **A.** The MenuItem instance will be returned by the Menu class add(...) method.  **B.** MenuItem can decide the Intent issued when clicking menu components.  **C.** MenuItem can display either an icon or text.  **D.** MenuItem can set a checkbox.  **Answer: B** |

## Bài 19, 20, 21: Database SQLite

Học xong bài này học viên có khả năng:

* Hiểu được ưu và khuyết điểm của database SQLite
* Tạo và điều khiển được database SQLite
* SQLiteOpenHelper
* SQLiteDatabase
* Cursor
* Xem, Thêm, Xoá, Sửa dữ liệu

Phát triển các chương trình có database như: Quản lý công việc, lịch hẹn, Quản lý thu chi, Quản lý bán hàng….

|  |
| --- |
| Which of the following is NOT true about SQLiteOperHelper class? (Choose two)  **A.** It has two abstract methods: onCreate() and onUpgrade().  **B.** It is used to perform database querying.  **C.** It manages database creation and updates.  **D.** It manages database versions using ContentProvider.  **Answer: A,C**  Ý kiến khác và cá nhân not true phải là B,D mới đúng  <http://www.aiotestking.com/android/which-of-the-following-is-not-true-about-sqliteoperhelper-class/> |
| Consider the following code snippet:  String[] result\_columns = new String[]{KEY\_ID, COL1, COL2}; Cursor allRows = myDatabase.query(true, DATABASE\_TABLE, result\_columns, null,null,null,null,null,null);  Which of the following prints out the values of COL1 column correctly if the result is not empty?  **A.** if (cursor.moveToFirst()) {do {System.out.println(cursor.getString(1));}while (cursor.moveToNext()); }  **B.** do {System.out.println(cursor.getString(0));}while (cursor.moveToNext());  **C.** if (cursor.moveToFirst()) {do {System.out.println(cursor.getString(0));}while (cursor.moveToNext()); }  **D.** if (cursor != null) {do {System.out.println(cursor.getString(1));}while (!cursor.isNull()); }  **Answer: A** |

## Bài 22: Giải pháp Database SQLite

Học xong bài này học viên có khả năng:

* Khắc phục được khuyết điểm của database SQLite
* Tạo và sử dụng database với dữ liệu có sẵn
* Tạo database SQLite trên PC và đưa sẵn dữ liệu vào.
* Đưa database SQLite từ PC vào Android
* Khai thác database có sẵn

Phát triển các chương trình có database có sẵn như: Game show rồng vàng (trắc nghiệm), chương trình tra cứu các loại thông tin, chương trình đọc truyện….

## Bài 23, 24: Layout, View bằng code, Touch, MultiTouch

Học xong bài này học viên có khả năng:

* Phân biệt được các loại layout, hiểu được ưu và khuyết của từng loại
* Vận dụng nhiều loại layout để thiết kế hiệu quả
* Vận dụng các view động bằng code
* Điều khiển đơn chạm SingleTouch
* Điều khiển đa chạm MultiTouch
* LinearLayout, RelativeLayout, FrameLayout, TableLayout…., kết hợp các layout.
* Kế thừa và bổ sung các view bằng mã java
* OnDraw, Canvas, Paint, Path…
* OnTouchEvent với SingleTouch và MultiTouch

Phát triển các chương trình với các layout phức tạp.

Phát triển chương trình bé tập vẽ với singletouch và multitouch

Phát triển chương trình xem duyệt hình ảnh bằng slide và zoom

|  |
| --- |
| Which of the following is required to allow the Android Developer Tools to interact with your view?  **A.** Provide a constructor that takes a Context and an AttributeSet object as parameters.  **B.** Provide a constructor that takes a Context object as parameter.  **C.** Extend class View.  **D.** Override method onDraw() of class View.  **Answer: A** |
| Which of these is NOT recommended in the Android Developer's Guide as a method of creating an individual View?  **A.** Create it by extending the android.view.View class  **B.** Create it by extending already existing View classes such as Button or TextView  **C.** Create it by copying the source of an already existing View class such as Button or  TextView  **D.** Create it by combining multiple Views  **Answer: C** |
| Method onDraw() of class android.view.View has the following signature:  **A.** public void onDraw(Color)  **B.** public void onDraw(Canvas)  **C.** public boolean onDraw(Canvas)  **D.** public Canvas onDraw()  **Answer: B** |
| You can create a custom view by extending class:  **A.** android.widget.View  **B.** android.widget.LinearLayout  **C.** android.view.View  **D.** android.content.Context  **Answer: C** |
| Which of the following classes should be extended to create a custom view?  **A.** View  **B.** ViewGroup  **C.** Context  **D.** Activity  **Answer: A** |
| Which of the following you cannot achieve by creating your own View sub-classes?  **A.** Create a completely new customized View type.  **B.** Combine a group of View components into a new single component.  **C.** Specify when to destroy an activity and all its views.  **D.** Override the way that an existing component is displayed on the screen.  **Answer: C** |
| Which of the following is correct about XML layout files?  **A.** In order to display a Ul defined in the XML layout file "main.xml", call the setContentView method of the Activity with the parameter string “main.xml".  **B.** There is no distinction between implementation of the layout definition by code, or by XML layout file.  **C.** In an Eclipse project using the ADT plug-in, the XML layout file is found in the /res/layout directory.  **D.** Layout information written in the XML layout file will be converted into code by the Android platform when the screen is displayed.  **Answer: C** |
| Which of the following are layout-related methods called by the framework on views, and you can override them when customizing a view? (Choose two)  **A.** onMeasure()  **B.** onDraw()  **C.** onKeyUp()  **D.** onSizeChanged()  **Answer: A,D** |
| Which of the following applies to the onDraw() method of class View? (Choose two)  **A.** It must be overridden if a customize drawing of a view is required.  **B.** It takes two parameters: a Canvas and a View.  **C.** It takes one parameter of type Canvas.  **D.** It uses the Canvas parameter to draw the border of the activity that contains it.  **Answer: A,C** |
| Which of the following is NOT true about onMeasure() method of class View?  **A.** It measures the view and its contents to determine the measured width and height.  **B.** It is invoked by measure().  **C.** The When overriding this method, a developer must call setMeasuredDimension().  **D.** It takes three parameters: the height, width, and the depth of the view.  **Answer: D** |
| You can create a custom view by extending class Activity.  **A.** True  **B.** False  **Answer: B** |

## Bài 25,26: Animation

Học xong bài này học viên có khả năng:

* Hiểu và vận dụng các loại Tween Animation.
* Hiểu và vận dụng animation cho view và Activity
* Alpha Animation
* Rotate Animation
* Scale Animation
* Translate Animation
* Set Animation
* Interpolator
* Frame by Frame
* Điểu khiển animation trong code
* Animation khi chuyển Activity

Phát triển các chương trình có màn hình chào và hiệu ứng

Phát triển game đơn giản “Chiếc nón kì diệu”

## Bài 27: Content Provider, MediaStore

Học xong bài này học viên có khả năng:

* Hiểu được Content Provider
* Quản lý các content provider
* Truy xuất Content Provider MediaStore
* ContentResolver
* ContentProvider đọc thông tin thiết bị
* MediaStorage Image (hình ảnh trong máy)

Phát triển chương quản lý hình ảnh trong điện thoại

|  |
| --- |
| Which of the following statements is correct about SQLite?  **A.** It is an object database.  **B.** It is client-server format.  **C.** It is possible to create and access a database by using SQLOpenHelper.  **D.** It can be accessed by other applications through ContentProvider.  **Answer: D** |
| Which of the following is NOT true about a content provider?  **A.** It manages access to structured data.  **B.** It cannot be used from inside an Activity.  **C.** It facilitates access to Android’s SQLite databases.  **D.** To access data in it, method getContentResolver() of the application’s Context is used.  **Answer: B** |
| Which of the following is not a ContentProvider provided natively by Android?  **A.** The contacts list  **B.** The telephone log  **C.** The bookmarks  **D.** The application list  **Answer: D** |

## Bài 28: MediaStore, Âm thanh, Video

Học xong bài này học viên có khả năng:

* Vận dụng MediaStore để quản lý video âm thanh
* Tạo và điều khiển việc ghi, phát âm thanh và video
* Truy xuất, quản lý MediaStore Audio và Video.
* Phối hợp với các view khác để điều khiển video, âm thanh
* Ghi âm và phát lại

Phát triển phần mềm nghe và điều khiển nhạc

Phát triển phần mềm ghi âm và phát lại

## Bài 29: ContentProvider Contact

Học xong bài này học viên có khả năng

* Hiểu được cách truy xuất contact
* Biết cách điều khiển thêm xoá sửa contact
* ContactContract
* ContentProviderOperation
* ContentResolver

Phát triển các phần mềm truy xuất contact

|  |
| --- |
| Which manifest file permission you should add to allow your application to read the device’s address book?  **A.** READ\_ADDRESS\_DATA  **B.** READ\_PHONE\_STATE  **C.** READ\_PHONE\_CONTACTS  **D.** READ\_CONTACTS  **Answer: D** |

## Bài 30: Quản lý SMS

Học xong bài này học viên có khả năng:

* Hiểu được cách truy xuất và quản lý SMS
* Hiểu được cách gởi tin nhắn bình thường và tin nhắn tự động
* SmsManager
* Content:/sms
* Gởi SMS bằng intent
* Gởi SMS tự động

Phát triển phần mềm đọc tin nhắn, gởi tin nhắn bình thường và tự động

## Bài 31: Notification & PendingIntent

Học xong bài này học viên có khả năng:

* -Hiểu và tạo được Notification
* Hiểu và kết hợp Notification và PendingIntent
* NotificationManager
* Builder
* Notification
* PendingIntent
* getActivity, getService, getBroadcast
* Các loại FLAG

Phát triển các phần mềm có chức năng Notification

|  |
| --- |
| Which of the following a Notification object must contain? (Choose three)  **A.** A small icon  **B.** A detail text.  **C.** A notification sound  **D.** A title  **Answer: A,B,D** |
| Which of the following is a NOT valid form of notification invoked by the NotificationManager?  **A.** A Flashing LED.  **B.** A persistent icon in the status bar.  **C.** A sound played.  **D.** A SMS sent.  **Answer: D** |

## Bài 32: Broadcast Receiver , TelephonyManager

Học xong bài này học viên có khả năng:

* Hiểu được Broadcast Receiver
* Biết được cách đăng kí lắng nghe tín hiệu của hệ thống
* Biết cách lắng nghe và điều khiển tín hiệu Telephone
* Broadcast Receiver
* TelephonyManager
* PhoneStateListener

Phát triển phần mềm chặn cuộc gọi

|  |
| --- |
| Which of these is the correct explanation regarding the following methods? (1)android.content.Context.sendBroadcast  (2)android.content.Context.startActivity  **A.** Both methods are defined by overloading.  **B.** Both methods throw an exception.  **C.** Both methods are asynchronous.  **D.** Both methods are able to broadcast an Intent.  **Answer: D** |

## Bài 33: Service

Học xong bài này học viên có khả năng:

* Hiểu được Service
* Phân biệt được các loại Service
* Vận dụng Service
* Started Service
* Bound Service
* OnStartCommand
* OnBind
* OnCreate
* OnDestroy

Phát triển các phần mềm có phần service chạy ngầm

Phát triển phần mềm nghe nhạc chạy ngầm (không dừng khi tắt màn hình hoặc thoát ra)

|  |
| --- |
| Which of the following is incorrect about intents?  **A.** They can be used to start an Activity.  **B.** They can be used to start a service.  **C.** They can be used to start database insertion.  **D.** They can be used to start a dialog-themed activity.  **Answer: C** |

## Bài 34: Style, Theme

Học xong bài này học viên có khả năng:

* Hiểu được các đơn vị kích thước trong Android
* Hiểu được cách tạo style và theme
* Hiểu được cách tạo tài nguyên tương thích với các loại màn hình khác nhau
* Dp, Sp. Ldpi, mdpi, hdpi, xhdpi….
* Tạo Style và theme
* Style, theme có sẵn và tự tạo

Phát triển các phần mềm có style, theme, tài nguyên tương thích nhiều loại màn hình khác nhau

## Bài 35: AdMod

Học xong bài này học viên có khả năng:

* Biết cách đăng kí tài khoản AdMod
* Hiểu được cách kiếm tiền bằng gắn quảng cáo
* Hiểu được cách đăng ký quảng cảo
* Biết cách gắn quảng cáo
* Hiểu được cách quảng lý quản cáo
* Hiểu được cách nhận tiền từ google
* Đăng ký tài khoản adMod
* Tạo đơn vị quảng cáo trên site adMod
* Gắn quảng cáo vào phần mềm
* Các lỗi thông thường cần phải tránh khi gắn quảng cáo
* Quản lý tài khoản quản cáo
* Cách thức nhận tiền từ quảng cáo

Phát triển các phần mềm tích hợp quảng cáo google AdMod

## Bài 36: Google Play

Học xong bài này học viên có khả năng:

* Biết cách đăng ký tài khoản Google Play
* Biết cách xuất phần mềm để đưa lên Google Play
* Đăng ký tài khoản Google Play.
* Xuất phần mềm để đưa lên Google Play.
* Keystore
* Tạo phần mềm, khai báo các thông số, upload phần mềm lên Google Play
* Quản lý tài khoản Google Play

Đóng gói phần mềm và đưa phần mềm lên chợ Google Play

|  |
| --- |
| When publishing an update to your application to the market, the following must be taken into consideration:  **A.** The package name must be the same, but the .apk may be signed with a different private key.  **B.** The package name does not have to be the same and the .apk can be signed with a different private key.  **C.** The package name must be the same and the .apk must be signed with the same private key.  **D.** The package name does not have to be the same, but the .apk must be signed with the same private key.  **Answer: C** |
| Which file specifies the minimum required Android SDK version your application supports?  **A.** main.xml  **B.** R.java  **C.** strings.xml  **D.** AndroidManifest.xml  **Answer: D** |
| Which of the following tools creates certificates for signing Android applications?  **A.** adb  **B.** logcat  **C.** keytool  **D.** certgen  **Answer: C** |

Các câu hỏi chung

|  |
| --- |
| Which of the following is not an Android component (i.e. a point from which the system can enter your application)?  **A.** Service  **B.** Activity  **C.** Layout  **D.** Content Provider  **Answer: C** |
| Which of these is not defined as a process state?  **A.** Non-visible  **B.** A Visible  **C.** Foreground  **D.** Background  **Answer: A** |
| Which of the following is NOT a valid usage for Intents?  **A.** Activate and Activity.  **B.** Activate a Service.  **C.** Activate a Broadcast receiver.  **D.** Activate a SQLite DB Connection.  **Answer: D** |
| Which of the following is NOT true about class ListActivity?  **A.** An activity that displays a list of items by binding to a data set.  **B.** Its layout must be set by calling method setContentView inside onCreate.  **C.** It contains a ListView object that can be bound to different data sets. Binding, screen layout, and row layout are discussed in the following sections.  **D.** A data source that can be bound in a ListActivity can be an array or Cursor holding query results.  **Answer: B** |
| Which of these is the incorrect method for an Application to save local data?  **A.** Extend PreferencesActivity and save in an XML file.  **B.** Save as a file in the local file system.  **C.** Save in the database using SQLite.  **D.** Save in the hash table file using the Dictionary class.  **Answer: D** |
| What is the second layer from top called in the following diagram of Android’s Architecture Exhibit:    **A.** Applications layer.  **B.** Application framework.  **C.** Linux kernel.  **D.** Android runtime.  **Answer: B**  Search google với từ khoá “android framework” |
| Which of the following is not included in the Android application framework?  **A.** WindowManager  **B.** NotificationManager  **C.** DialerManager  **D.** PackageManager  **Answer: C**  Search google với từ khoá “android framework” |
| Which of these is the correct function of Traceview?  **A.** Displays a graphical task execution log.  **B.** Displays graphically a memory acquisition and release log.  **C.** Displays graphically the call stack.  **D.** Displays graphically the Ul state hierarchy.  **Answer: A** |